

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 127/2021/DS-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Trọng Q – sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Chí Th (tên thường gọi: Phương), sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Minh L – sinh năm 1964, bà Trần Thị O – sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Chí Th (tên thường gọi: Phương), sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Thị Trọng Q, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Hồ Chí Th trong quá trình giải quyết vụ án, và lời trình bày của ông Hồ Chí Th tại phiên tòa thì:

Từ ngày 06/7/2019 đến ngày 20/8/2019 thì vợ chồng bà Q, ông Th có cho vợ chồng ông Trương Minh L và bà Trần Thị O vay số tiền 270.000.000 đồng. Cụ thể: vào ngày 06/7/2019 vay 10.000.000 đồng hẹn tới ngày 13/7/2019 trả, ông L nói vay tiền cho con đi học; ngày 19/8/2019 vay 250.000.000 đồng hẹn đến ngày 27/9/2019 trả, số tiền vay được chuyển vào tài khoản ông L vào ngày 20/8/2019; ngày 20/8/2021 vay thêm 10.000.000 đồng, mục đích để trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Khi vay trong giấy không ghi lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận miệng, thường thì sẽ thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay khoảng 2-3 ngày sẽ trả. Tuy nhiên, sau khi cho ông L, bà O vay tiền để đáo hạn tại Ngân hàng TMCP A, Phòng giao dịch B (sau đây viết tắt là A), không được Ngân hàng A giải ngân lại nên ông L bà O chưa trả tiền cho vợ chồng bà. Mặc dù chưa trả được số tiền 270.000.000 đồng nhưng đến ngày 07/11/2019 do ông L, bà O vẫn có nhu cầu vay để đáo hạn món vay khác, vợ chồng bà đã liên hệ với Ngân hàng A thì được biết món vay này sẽ được giải ngân lại sau khi đáo hạn, vì vậy, vợ chồng bà tiếp tục cho ông L, bà O vay. Ông L, bà O đã được giải ngân lại nên đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi của khoản vay ngày 07/11/2019, không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với số tiền này. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà, tuy nhiên chồng bà là ông Hồ Chí Th đã đồng ý để bà Q làm đơn khởi kiện để yêu cầu ông L, bà O trả nợ.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Trương Minh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay thì: Từ khoảng năm 2016, 2017 ông và vợ là bà Trần Thị O bắt đầu có quan hệ vay tiền của vợ chồng bà Q, ông Th, mục đích vay thường là để đáo hạn ngân hàng. Ông thừa nhận các chứng cứ là giấy vay do bà Q cung cấp ngày 06/7/2019, 19/8/2019, 20/8/2019 là đúng, vợ chồng ông vay tiền để đáo hạn Ngân hàng và để cho con đi học. Các bên không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất, khi ông trả tiền gốc thì ông Th lấy bao nhiêu tiền lãi thì ông trả, thường thì lãi suất là 2%/tháng và thời hạn vay thì khoảng vài ngày. Sau khi đáo hạn Ngân hàng A không đồng ý cho giải ngân lại nên ông đã trả bằng tiền mặt cho ông Th, nhưng khi trả không lập giấy tờ gì, không lấy giấy nợ về. Mặc dù ông không có chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả tiền cho bà Q, ông Th, nhưng ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Q. Vì nếu ông chưa trả tiền cho bà Q, ông Th thì tại sao trong khoảng thời gian dài như vậy mà ông bà không đòi và nếu chưa trả tiền thì tới ngày 07/11/2019 khi ông vay tiếp số tiền 263.000.000 đồng thì bà Q, ông Th phải gộp chung hai khoản tiền lại mới đúng.

Vào ngày 07/11/2019 vợ chồng ông có vay bà Q, ông Th số tiền 263.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Số tiền này trước đây ông cứ nghĩ là còn nợ ông Th, bà Q. Vì sau khi đáo hạn, Ngân hàng A không đồng ý giải ngân lại. Tuy nhiên đến ngày 15/6/2021 ông có đến Ngân hàng A để trả số tiền vay còn lại là 540.000.000 đồng thì được Ngân hàng thông báo số nợ vẫn còn là 800.000.000đ, và Ngân hàng cho biết là vợ ông đã mở tài khoản rút số tiền 260.000.000 đồng vào ngày 07/11/2019 và ông không biết là số tiền được chuyển đi đâu, nay ông Th xác định vợ chồng ông đã trả nợ khoản vay 263.000.000 đồng nên ông cũng không có ý kiến gì. Bà Q, ông Th cho rằng ông

chưa trả khoản tiền vay 270.000.000 đồng thì bà Q, ông Th phải cung cấp giấy vay ngày 07/11/2019 để đối chứng.

Theo lời trình bày của bà Trần Thị O tại phiên tòa thì: Khi được hỏi về việc trả tiền cho bà Q, ông Th chưa và có mở tài khoản tại Ngân hàng A không thì bà O trả lời không biết.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Chí Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì: Số tiền bà Hoàng Thị Trọng Q cho ông Trương Minh L, bà Trần Thị O vay là tiền chung của vợ chồng ông, việc vay tiền có lúc do bà Q trực tiếp giao dịch, có lúc ông trực tiếp giao dịch. Hiện nay bà Hoàng Thị Trọng Q là nguyên đơn khởi kiện số tiền 270.000.000 đồng, trong đó có giấy vay ngày 06/7/2019 có nội dung ghi “vay chú Phương 10.000.000đ” là tên thường gọi của ông. Ông đồng ý để vợ ông là bà Q thay mặt khởi kiện và yêu cầu ông L, bà O phải trả cho bà Hoàng Thị Trọng Q 270.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định. Đối với khoản vay 263.000.000 đồng mà ông L, bà O vay ngày 07/11/2019 thì sau khi đáo hạn, ông L, bà O đã được giải ngân lại và đã thanh toán đủ. Vợ chồng ông nhiều lần yêu cầu ông L thanh toán số tiền còn nợ là 270.000.000 đồng nhưng ông L bị nhầm lẫn giữa việc được giải ngân lại của hai khoản vay nên cho rằng đã trả nợ xong.

Theo văn bản trả lời số 2508/CV-ACB.21 ngày 25/08/2021 của Ngân hàng TMCP A, phòng giao dịch B thì: *Ngày 20/9/2019 ông Trương Minh L thanh lý khế ước nhận nợ số 202206039 với số tiền gốc còn lại là 240.000.000 đồng, lãi 4.620.000 đồng. Đây là khoản vay trả góp từ ngày 14/8/2015, sau khi thanh toán khoản vay trên, Ngân hàng không giải ngân lại cho ông L. Vào ngày 07/11/2019 Ông Trương Minh L thanh lý khế ước nhận nợ số 277095849 với tổng số tiền 262.988.227 đồng. Sau khi thanh toán thì Ngân hàng đã giải ngân lại cho bà Trần Thị O theo khế ước nhận nợ số 295687859 số tiền 260.000.000 đồng. Đây là khoản vay sản xuất – kinh doanh – bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay 800.000.000 đồng được ACB cấp tín dụng cho ông Trương Minh L và bà Trần Thị O theo hợp đồng tín dụng số CDA.CN.3054.250119*

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Trọng Q có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với ông Trương Minh L, bà Trần Thị O. Tại quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với ông Trương Minh L, bà Trần Thị O đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 23 tờ bản đồ số 32 diện tích 625m² tại thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V478458 do UBND huyện M cấp ngày 17/01/2003 cho hộ Trương Minh L để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX buộc ông Trương Minh L, bà Trần Thị O phải trả 270.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử và lãi suất cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị Trọng Q. Buộc ông Trương Minh L và bà Trần Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Trọng Q 270.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/7/2021 “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với ông Trương Minh L, bà Trần Thị O để đảm bảo cho việc thi hành án. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị Trọng Q khởi kiện yêu cầu ông Trương Minh L và bà Trần Thị O thanh toán tiền đã vay, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Do đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Từ ngày 06/7/2019 đến 20/8/2019 vợ chồng ông Trương Minh L và bà Trần Thị O có vay của vợ chồng bà Hoàng Thị Trọng Q, ông Hồ Chí Th số tiền 270.000.000 đồng. Cụ thể như sau: vào ngày 06/7/2019 ông Trương Minh L xác nhận vay 10.000.000 đồng hẹn tới ngày 13/7/2019 trả, mục đích vay là để cho con đi học; ngày 19/8/2019 ông Trương Minh L, bà Trần Thị O xác nhận vay 250.000.000 đồng hẹn đến ngày 27/9/2019 trả mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng ACB; ngày 20/8/2019 ông Trương Minh L xác nhận vay 10.000.000 đồng trả lãi vay Ngân hàng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Minh L xác nhận các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng. Xét nội dung và hình thức thỏa

thuận vay tiền của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS nên phát sinh hiệu L.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Hoàng Thị Trọng Q xác định, số tiền 270.000.000 đồng ông Trương Minh L, bà Trần Thị O vay để đáo hạn Ngân hàng ACB, tuy nhiên, sau khi đáo hạn không được giải ngân lại nên chưa thanh toán tiền cho vợ chồng bà.

Bị đơn ông Trương Minh L cho rằng khoản vay từ ngày 06/7/2019 đến 20/8/2019 đã thanh toán, chỉ còn khoản vay ngày 07/11/2019 số tiền 263.000.000 đồng có lúc khai chưa thanh toán do sau khi đáo hạn không được Ngân hàng giải ngân lại, có lúc lại cho rằng nếu ông Th bà Q xác định đã thanh toán rồi thì cũng đồng ý như vậy.

Theo văn bản trả lời số 2508/CV-ACB.21 ngày 25/08/2021 của Ngân hàng TMCP A, phòng giao dịch B thì: *Ngày 20/9/2019 ông Trương Minh L thanh lý khế ước nhận nợ số 202206039 với số tiền gốc còn lại là 240.000.000 đồng, lãi 4.620.000 đồng. Đây là khoản vay trả góp từ ngày 14/8/2015, sau khi thanh toán khoản vay trên, Ngân hàng không giải ngân lại cho ông L.*

Vào ngày 07/11/2019 Ông Trương Minh L thanh lý khế ước nhận nợ số 277095849 với tổng số tiền 262.988.227 đồng. Sau khi thanh toán thì Ngân hàng đã giải ngân lại cho bà Trần Thị O theo khế ước nhận nợ số 295687859 số tiền 260.000.000 đồng. Đây là khoản vay sản xuất – kinh doanh – bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay 800.000.000 đồng được A cấp tín dụng cho ông Trương Minh L và bà Trần Thị O theo hợp đồng tín dụng số CDA.CN.3054.250119

Như vậy, HĐXX xét thấy, lời khai của nguyên đơn về việc ông Trương Minh L, bà Trần Thị O vay tiền để đáo hạn và việc giải ngân của Ngân hàng TMCP A, phòng giao dịch B là phù hợp với số tiền vay, thời gian vay theo văn bản trả lời của Ngân hàng TMCP A, phòng giao dịch B.

[2.4] Ông Trương Minh L cho rằng sau khi đáo hạn do không được giải ngân lại nên đã trả tiền mặt cho bà Q, ông Th. Tuy nhiên do tin tưởng nên không lập giấy biên nhận và không lấy lại giấy vay gốc nên ông không có chứng cứ để chứng minh và yêu cầu bà Q, ông Th phải cung cấp giấy vay ngày 07/11/2019 để đối chứng.

Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Do ông Trương Minh L và bà Trần Thị O không đưa ra được chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó, ông L, bà O phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ.

[2.5] Số tiền vay ngày 06/7/2019 và 20/8/2019 chỉ có ông Trương Minh L ký xác nhận, tuy nhiên tại phiên tòa ông L, bà O xác định mục đích vay tiền để cho con đi học và trả lãi Ngân hàng. Do đó, HĐXX xác định đây là khoản vay chung vợ chồng, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó cần buộc ông Trương Minh L và bà Trần Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Trọng Q 270.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp.

[2.6] Về tiền lãi: Các đương sự đều thống nhất với nhau, đây là khoản vay có lãi, tuy nhiên không thoả thuận cụ thể về mức lãi suất.

Điều 468 BLDS 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

...

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, cần buộc ông Trương Minh L, và bà Trần Thị O phải thanh toán cho bà Hoàng Thị Trọng Q số tiền lãi cụ thể:

- 10.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 5 tháng 16 ngày (06/7/2019 đến 23/12/2021) = 2.451.256 đồng.

- 260.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 4 tháng 2 ngày (20/8/2019 đến 23/12/2021) = 60.567.866 đồng.

Tổng cộng: 63.019.122 đồng

[2.7] Ông Hồ Chí Th xác định số tiền cho ông Trương Minh L và bà Trần Thị O vay là tiền chung vợ chồng, ông đề nghị HĐXX tuyên buộc ông L, bà O thanh toán cho bà Q toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.8] Ông Trương Minh L yêu cầu bà Hoàng Thị Trọng Q, ông Hồ Chí Th cung cấp giấy vay ngày 07/11/2019 số tiền 263.000.000 đồng để đối chứng tuy nhiên, bà Q, ông Th xác định ông Trương Minh L, bà Trần Thị O đã thanh toán đủ, không có yêu cầu khởi kiện nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.9] Xét thấy không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số

03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/7/2021 “Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ” đối với ông Trương Minh L, bà Trần Thị O đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 23 tờ bản đồ số 32 diện tích 625m² tại thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V478458 do UBND huyện M cấp ngày 17/01/2003 cho hộ Trương Minh L để đảm bảo cho việc thi hành án là đúng quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 19 của Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự

[2.10] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy cần buộc bị đơn ông Trương Minh L và bà Trần Thị O phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[2.11] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Trọng Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Trương Minh L, bà Trần Thị O.

2. Buộc ông Trương Minh L và bà Trần Thị O phải thanh toán cho bà Hoàng Thị Trọng Q số tiền 333.019.122 đồng, trong đó có 270.000.000 đồng tiền gốc, 63.019.122 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: ông Trương Minh L và bà Trần Thị O phải nộp 16.651.000 đồng tiền án phí DSST. Trả lại cho bà Hoàng Thị Trọng Q 8.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006691 ngày 12/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của ông Trương Minh L, bà Trần Thị O đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 23 tờ bản đồ số 32 diện tích 625m² tại thôn N, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V478458 do UBND huyện M ngày 17/01/2003 cho hộ Trương Minh L để đảm bảo cho việc thi hành án.

Phản tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo chương VIII của Bộ luật tố tụng Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Thắng